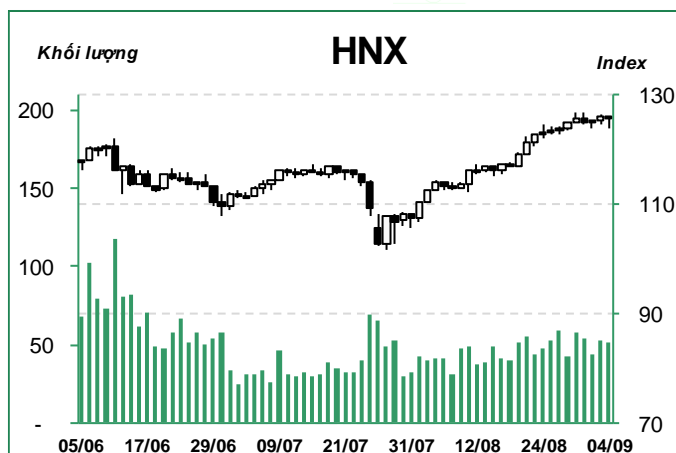
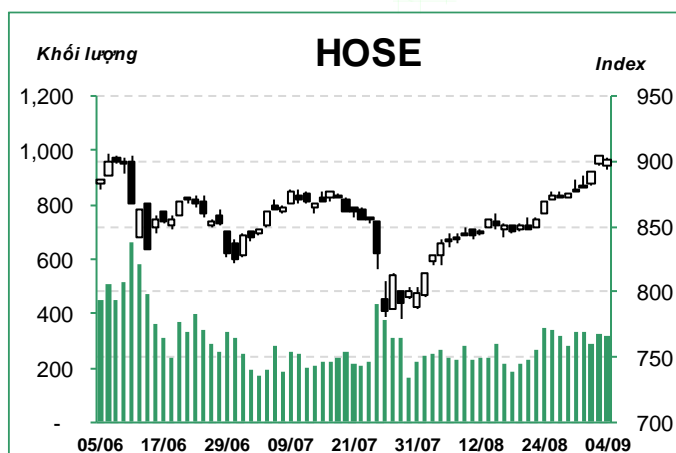


Tổng quan thị trường

| 04/09/2020 | HOSE | | VN30 | | HNX | |
|-----------------------------|-----------------|----------------|-----------------|----------------|-----------------|---------------|
| | Giá trị | Thay đổi % | Giá trị | Thay đổi % | Giá trị | Thay đổi % |
| Giá trị đóng cửa | 901.54 | -0.27% | 840.54 | -0.37% | 126.15 | 0.07% |
| Cuối tuần trước | 878.98 | 2.57% | 821.93 | 2.26% | 125.84 | 0.25% |
| Trung bình 20 ngày | 867.78 | 3.89% | 805.57 | 4.34% | 121.77 | 3.60% |
| Tổng KLGD (triệu cp) | 346.44 | -6.26% | 111.90 | -17.29% | 52.49 | -4.41% |
| KLGD khớp lệnh | 316.18 | -2.18% | 103.34 | -1.31% | 51.25 | -1.96% |
| Trung bình 20 ngày | 279.04 | 13.31% | 78.78 | 31.18% | 48.11 | 6.53% |
| Tổng GTGD (tỷ đồng) | 6,732.39 | -12.04% | 3,470.70 | -14.86% | 625.55 | 8.07% |
| GTGD khớp lệnh | 5,886.80 | -3.85% | 3,093.98 | -2.43% | 612.47 | 10.85% |
| Trung bình 20 ngày | 4,808.12 | 22.43% | 2,175.30 | 42.23% | 560.66 | 9.24% |
| | Tỷ trọng | | Tỷ trọng | | Tỷ trọng | |
| Số mã tăng | 146 | 31% | 7 | 23% | 82 | 23% |
| Số mã giảm | 267 | 57% | 21 | 70% | 77 | 22% |
| Số mã đứng giá | 52 | 11% | 2 | 7% | 197 | 55% |



Thị trường chứng khoán Châu Á nói chung và chứng khoán Việt Nam nói riêng đồng loạt chìm trong sắc đỏ ngay từ đầu phiên khi nhà đầu tư phản ứng tiêu cực với đà giảm mạnh của thị trường Mỹ đêm hôm trước. Tuy nhiên, diễn biến của thị trường trong nước có phần tích cực hơn thị trường chung khi lực cầu hấp thụ khá tốt giúp chỉ số đảo chiều tiến về mốc tham chiếu trong phiên chiều.

Chốt phiên, VN-Index đóng cửa giảm nhẹ 0.27%, tương ứng với mức 901.54 điểm. Thanh khoản duy trì ở mức cao cho thấy dòng tiền vẫn đang tham gia khá tốt. KLGD khớp lệnh đạt 316.2 triệu cổ phiếu (-2.2%), tương đương 5,887 tỷ đồng giá trị (-3.9%).

Áp lực bán khiến nhiều cổ phiếu trụ cột đóng cửa trong sắc đỏ. Trong đó, Vietcombank-VCB (-1.5%), PV Gas-GAS (-1.6%), Vingroup-VIC (-0.5%) và Sabeco-SAB (-0.8%) có ảnh hưởng tiêu cực nhất. Ở chiều ngược lại, Becamex IDC-BCM (+6.9%), Vinhomes-VHM (+0.5%), Masan-MSN (+1.6%) hỗ trợ cho chỉ số. Bên cạnh đó, nhóm ngành chứng khoán cũng được dòng tiền hưởng đến khá tốt với nhiều cổ phiếu tăng điểm như Chứng khoán Bản Việt-VCI (+4.1%), Chứng khoán TPHCM-HCM (+2.6%) hay Chứng khoán SSI-SSI (+1.0%).

Khối ngoại giao dịch sôi động trên sàn HoSE khi cả giá trị mua và bán đều vượt ngưỡng 1,000 tỷ đồng trong phiên hôm nay. Kết phiên, khối này bán ròng với giá trị 14.6 tỷ đồng. Trong đó, Becamex IDC-BCM (-122.0 tỷ), Vinhomes-VHM (-72.0 tỷ), Vietcombank-VCB (-53.2 tỷ) là những cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất. Trái lại, khối ngoại tập trung mua ròng các cổ phiếu Petrolimex-PLX (+192.6 tỷ), Vinamilk-VNM (+57.7 tỷ) hay Vietinbank-CTG (+41.4 tỷ).

Trên sàn Hà Nội, HNX-Index cũng có diễn biến hồi phục nhưng tích cực hơn khi đóng cửa trong sắc xanh tại mức

Giao dịch thỏa thuận

| Mã CK | Khối lượng ('000 cp) | GTGD (tỷ đồng) |
|-------------|----------------------|----------------|
| HOSE | | |
| BCM | 3,200.0 | 131.52 |
| PLX | 2,237.2 | 114.99 |
| GTN | 4,020.0 | 106.50 |
| VNM | 692.7 | 85.95 |
| CTG | 1,450.0 | 36.42 |
| NVL | 545.0 | 34.29 |
| GMD | 1,113.6 | 27.06 |
| TTB | 3,948.8 | 23.81 |
| OGC | 3,600.0 | 21.06 |
| BID | 500.0 | 20.98 |
| HNX | | |
| SHS | 1,000.0 | 11.10 |
| NVB | 238.0 | 1.98 |

126.15 điểm (+0.07%). KLGD khớp lệnh đạt 51.2 triệu cổ phiếu (-2.0%), tương đương 612.5 tỷ đồng giá trị (+10.9%).

Trong đó, Vicostone-VCS (+3.7%), Vinaconex-VCG (+2.2%), Khách sạn Đại Dương-OCH (+9.0%) là những cổ phiếu đóng góp đáng kể giúp chỉ số tăng điểm. Ngược lại, Ngân hàng A Châu-ACB (-0.5%), Ngân hàng SHB-SHB (-0.7%), Dầu khí PTSC-PVS (-0.8%) gây áp lực cho chỉ số.

Khối ngoại gia tăng bán ròng trên sàn Hà Nội, đạt giá trị 9.7 tỷ đồng (+15.8%). Với lực bán tập trung ở các cổ phiếu Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội -SHS (-3.8 tỷ), Vinaconex-VCG (-3.0 tỷ), Chứng khoán Bảo Việt-BVS (-1.9 tỷ) trong khi Đầu tư Thăng Long-TIG (+0.6 tỷ), IDJ Financial-IDJ (+0.3 tỷ), Bọc ống Dầu khí-PVB (+0.3 tỷ) được khối ngoại mua vào.

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên giảm điểm nhẹ trở lại. Khối lượng giao dịch duy trì trên bình quân 10 và 20 phiên hàm ý dòng tiền đang ở lại thị trường. Không những vậy, chỉ số vẫn giữ trên ngưỡng 900 điểm và chòm MA5,10,20 duy trì trạng thái phân kỳ dương, kèm theo chỉ báo ADX hướng lên vùng 24 và đường +DI nằm trên -DI cho tín hiệu xác nhận xu hướng phục hồi hiện tại, phiên giảm điểm vừa qua có thể chỉ mang tính rung lắc kỹ thuật nhằm củng cố cho xu hướng chính và ngưỡng kháng cự tiếp theo có thể quanh vùng 940 điểm (Fib 127.2). Tuy nhiên, chỉ số đang tiệm cận vùng kháng cự 900-905 điểm (vùng đỉnh cũ tháng 6/2020), cùng với RSI nằm trong vùng quá mua trên 70, cho thấy áp lực chốt lời có thể gia tăng trong những phiên tới. Do đó, trong trường hợp, chỉ số không thể sớm vượt qua được vùng kháng cự trên thì áp lực điều chỉnh có thể quay lại và chỉ số có thể chịu sức ép về vùng hỗ trợ quanh 880 điểm (đỉnh tháng 7/2020). Đối với sàn Hà Nội, HNX Index diễn biến có phần tích cực hơn. Chỉ số vẫn giữ được đà tăng điểm và chòm MA5,10,20 ở trạng thái phân kỳ dương tích cực, cho thấy chỉ số có cơ hội tiến lên thử thách ngưỡng kháng cự 127.4 điểm (Fib 127.2). Nhìn chung, thị trường vẫn giữ được xu hướng phục hồi và các phiên rung lắc kỹ thuật là cần thiết nhằm củng cố cho xu hướng được chặt chẽ hơn. Do đó, nhà đầu tư có thể tận dụng các phiên rung lắc kỹ thuật để tái cơ cấu lại danh mục vào các cổ phiếu có cơ bản tốt, có tính dẫn dắt thị trường.

Thông kê top 5 cổ phiếu giao dịch khớp lệnh

HOSE

Top 5 tăng giá

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | KLGD ('000 CP) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|----------------|--------------|
| THI | 31.5 | 11.9 | 7.0% |
| LAF | 9.4 | 0.1 | 7.0% |
| DAT | 47.7 | 8.8 | 7.0% |
| CTS | 7.3 | 627.9 | 6.9% |
| BCM | 41.1 | 695.5 | 6.9% |

Top 5 giảm giá

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | KLGD ('000 CP) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|----------------|--------------|
| CLW | 27.3 | 0.0 | -7.0% |
| HAP | 7.1 | 54.1 | -7.0% |
| SMA | 11.4 | 1.7 | -7.0% |
| DTL | 9.5 | 0.6 | -6.9% |
| SGT | 5.4 | 1.3 | -6.9% |

Top 5 giá trị

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| HPG | 25.0 | 468.6 | -0.2% |
| GEX | 25.5 | 226.4 | 1.0% |
| VNM | 125.0 | 212.8 | 0.2% |
| VCB | 84.9 | 206.7 | -1.5% |
| VRE | 28.5 | 173.3 | 1.4% |

Top 5 khối lượng

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | KLGD ('000 CP) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|----------------|--------------|
| HPG | 25.0 | 18,820.6 | -0.2% |
| STB | 11.3 | 9,882.0 | -0.9% |
| SSI | 15.4 | 9,713.6 | 1.0% |
| HQC | 1.7 | 9,507.6 | 0.0% |
| GEX | 25.5 | 9,056.1 | 1.0% |

HNX

Top 5 tăng giá

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | KLGD ('000 CP) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|----------------|--------------|
| NHP | 0.6 | 143.7 | 20.0% |
| HKB | 0.7 | 1,845.7 | 16.7% |
| WCS | 217.8 | 15.6 | 10.0% |
| VNT | 62.1 | 33.6 | 9.9% |
| NHC | 30.0 | 0.5 | 9.9% |

Top 5 giảm giá

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | KLGD ('000 CP) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|----------------|--------------|
| VIG | 0.8 | 349.8 | -11.1% |
| BII | 0.9 | 365.9 | -10.0% |
| PSC | 15.3 | 0.1 | -10.0% |
| PPE | 3.7 | 93.9 | -9.8% |
| VE3 | 5.6 | 20.0 | -9.7% |

Top 5 giá trị

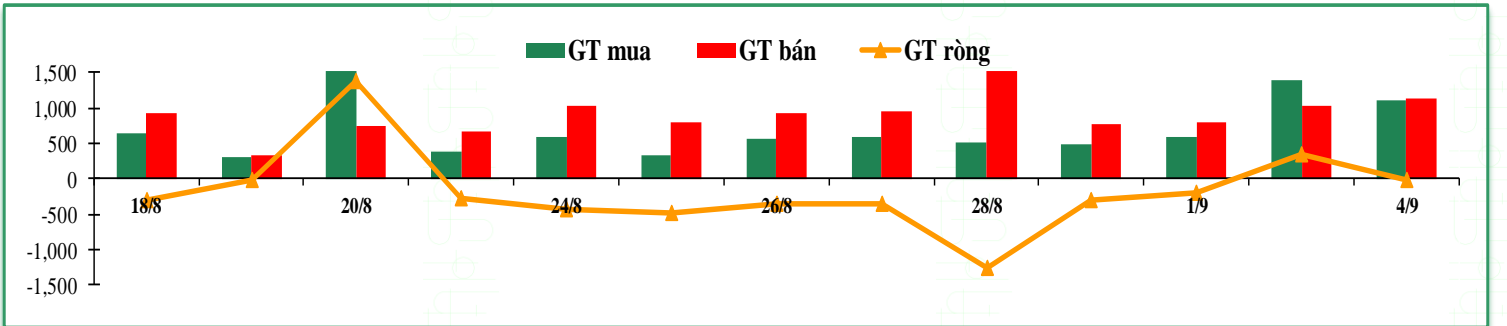
| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| ACB | 21.1 | 98.0 | -0.5% |
| SHS | 11.6 | 51.5 | 2.7% |
| PVS | 12.6 | 51.4 | -0.8% |
| VCS | 67.0 | 45.5 | 3.7% |
| VCG | 36.8 | 44.9 | 2.2% |

Top 5 khối lượng

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | KLGD ('000 CP) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|----------------|--------------|
| ACB | 21.1 | 4,665.7 | -0.5% |
| SHS | 11.6 | 4,543.1 | 2.7% |
| PVS | 12.6 | 4,092.8 | -0.8% |
| SHB | 14.0 | 2,911.6 | -0.7% |
| NVB | 8.3 | 2,652.2 | 1.2% |

Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

| Sàn GD | GT Mua | % Thị trường | GT Bán | % Thị trường | Mua-Bán |
|----------------|----------------|--------------|----------------|--------------|--------------|
| HOSE | 1,108.8 | 18.8% | 1,123.4 | 19.1% | -14.6 |
| HNX | 4.2 | 0.7% | 13.9 | 2.3% | -9.7 |
| Tổng số | 1,113.0 | | 1,137.3 | | -24.3 |



HOSE

Top 5 mua nhiều nhất

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| PLX | 51.6 | 223.0 | -1.0% |
| VNM | 125.0 | 163.9 | 0.2% |
| HPG | 25.0 | 153.1 | -0.2% |
| VCB | 84.9 | 88.9 | -1.5% |
| VRE | 28.5 | 73.4 | 1.4% |

Top 5 bán nhiều nhất

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| VCB | 84.9 | 142.1 | -1.5% |
| HPG | 25.0 | 136.2 | -0.2% |
| BCM | 41.1 | 131.4 | 6.9% |
| VNM | 125.0 | 106.2 | 0.2% |
| VHM | 80.0 | 98.0 | 0.5% |

Top 5 mua ròng

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| PLX | 51.6 | 192.6 | -1.0% |
| VNM | 125.0 | 57.7 | 0.2% |
| CTG | 26.0 | 41.4 | 0.2% |
| VRE | 28.5 | 32.4 | 1.4% |
| HPG | 25.0 | 16.9 | -0.2% |

HNX

Top 5 mua nhiều nhất

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| BVS | 10.9 | 0.6 | 0.0% |
| TIG | 6.6 | 0.6 | 0.0% |
| WCS | 217.8 | 0.4 | 10.0% |
| IDJ | 15.5 | 0.3 | -1.9% |
| PVB | 18.1 | 0.3 | 0.6% |

Top 5 bán nhiều nhất

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| SHS | 11.6 | 3.8 | 2.7% |
| VCG | 36.8 | 3.0 | 2.2% |
| BVS | 10.9 | 2.4 | 0.0% |
| SDT | 4.7 | 1.2 | 4.4% |
| PVS | 12.6 | 1.2 | -0.8% |

Top 5 mua ròng

| Mã CK | Giá đóng cửa ('000) | Giá trị (tỷ đồng) | Thay đổi (%) |
|-------|---------------------|-------------------|--------------|
| TIG | 6.6 | 0.6 | 0.0% |
| IDJ | 15.5 | 0.3 | -1.9% |
| PVB | 18.1 | 0.3 | 0.6% |
| VCS | 67.0 | 0.3 | 3.7% |
| INN | 27.4 | 0.2 | 1.1% |

Tin trong nước

Thủ tướng: Dự trữ ngoại hối cuối năm nay có thể đạt 100 tỷ USD

Thủ tướng cho biết, hiện dự trữ ngoại hối đã đạt khoảng 92 tỷ USD và có thể đạt con số 100 tỷ USD vào cuối năm nay.

Sáng nay (4/9), tại phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 8, Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc nêu rõ, tình hình tháng 8 có chuyển biến rất đáng mừng. Kinh tế vĩ mô duy trì ổn định. Chính sách tiền tệ được thực hiện tương đối tốt.

Đáng chú ý, Thủ tướng cho biết, dự trữ ngoại hối đã đạt khoảng 92 tỷ USD và đến cuối năm nay có thể đạt con số 100 tỷ USD, tăng nhiều lần so với mức 20 tỷ USD vào đầu nhiệm kỳ.

CPI tháng 8/2020 tăng 0,07% so với tháng trước, CPI bình quân 8 tháng năm 2020 tăng 3,96% so với cùng kỳ năm trước. Tỷ giá ổn định. Lãi suất có xu hướng giảm để hỗ trợ sản xuất.

Nông nghiệp tiếp tục là bệ đỡ cho nền kinh tế trong lúc khó khăn. Năm nay, ngành nông nghiệp phấn đấu giữ được mức tăng trưởng 2,6-2,8%, đặc biệt là nông nghiệp được mùa, được giá, kim ngạch xuất khẩu sẽ vẫn giữ được mục tiêu khoảng 41 tỷ USD. Trong đó, nguồn cung thịt lợn tăng. Theo báo cáo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, giá lợn hiện nay trung bình từ 77.000 - 83.000 đồng/kg, giảm 15.000 - 18.000 đồng/kg so với thời điểm cao nhất.

Thủ tướng cho rằng, xuất khẩu tiếp tục là điểm sáng, 8 tháng đạt trên 174 tỷ USD, tăng 1,6%. Xuất siêu trên 11,9 tỷ USD.

Giải ngân vốn đầu tư công được cải thiện rõ nét, tăng so với cùng kỳ gần 31%, mức tăng cao nhất từ trước đến nay. Nhiều địa phương đã tuyên bố giải ngân đạt 100% trong năm nay.

Phát triển doanh nghiệp đạt một số kết quả tích cực. Số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động tăng gần 30%.

Nông nghiệp xuất siêu hơn 6 tỷ USD

Tính chung 8 tháng, kim ngạch xuất khẩu nông lâm thủy sản ước đạt 26,15 tỷ USD, giảm 0,9% so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó, nhóm nông sản chính ước đạt gần 12 tỷ USD, giảm 3,2%; chăn nuôi ước đạt 250 triệu USD, giảm 25,0%; thủy sản ước đạt 5,2 tỷ USD, giảm 5,3%; lâm sản chính đạt trên 7,8 tỷ USD, tăng 10,3%;

Về nhập khẩu, tính chung 8 tháng, kim ngạch nhập khẩu các mặt hàng nông lâm thủy sản ước khoảng 19,9 tỷ USD, giảm 2,5% so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó, giá trị nhập khẩu các mặt hàng nông lâm thủy sản chính ước đạt 16 tỷ USD, giảm 5,2%.

Như vậy, 8 tháng năm 2020, ngành nông nghiệp xuất siêu khoảng 6,2 tỷ USD, tăng 4,9% so với cùng kỳ năm 2019.

Tin doanh nghiệp niêm yết

Cổ phiếu Trường Thành Group giao dịch đầu tiên tại HoSE ngày 18/9

Công ty Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành (Trường Thành Group) thông báo ngày 18/9 là ngày giao dịch đầu tiên của 135 triệu cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM (HoSE), mã chứng khoán TTA. Giá tham chiếu ngày giao dịch đầu tiên 18.000 đồng/cp, với biên độ +/- 20%, cổ phiếu Trường Thành Group sẽ biến động trong khoảng 14.400 đồng/cp đến 21.600 đồng/cp. Như vậy, doanh nghiệp được định giá ở mức 2.340 tỷ đồng.

Trường Thành Group được thành lập vào ngày 5/9/2008 với vốn điều lệ 50 tỷ, đến nay đã tăng lên 1.350 tỷ đồng. Doanh nghiệp có 4 cổ đông lớn gồm Công ty TNHH Xây dựng Trường Thành (23,63%), cá nhân Nguyễn Thị Ngọc (11,63%), Trần Huy Đức (23,26%) và Trần Huy Thiệu (6,52%).

Sau khi niêm yết, doanh nghiệp điện có kế hoạch tăng vốn từ 1.350 tỷ đồng lên 1.600 tỷ đồng qua chào bán riêng lẻ 25 triệu cổ phiếu cho nhà đầu tư chiến lược. Nguồn vốn thu được để đầu tư dự án điện mặt trời Hồ Núi Một 1.

Ngành nghề kinh doanh chính là sản xuất và kinh doanh năng lượng, đầu tư các dự án điện năng như thủy điện, điện mặt trời và điện gió.

Bến xe Miền Tây trả thêm cổ tức tiền mặt tỷ lệ 258%

Công ty cổ phần Bến xe Miền Tây (HNX: WCS) thông báo chốt danh sách cổ đông thực hiện chi trả cổ tức đợt 2 năm 2019 với tỷ lệ 258% (1 cổ phiếu được nhận 25.800 đồng). Với 2,5 triệu cổ phiếu đang lưu hành, doanh nghiệp sẽ chi khoảng 64,5 tỷ đồng.

Ngày đăng ký cuối cùng vào 17/9 và thời gian thanh toán dự kiến 1/10.

Năm ngoái, lợi nhuận của bến xe này đạt mức kỷ lục 68,6 tỷ đồng, tăng 3% và các cổ đông đã thống nhất phương án chia cổ tức tỷ lệ 516% bằng tiền, tương đương số tiền dự chi là 129 tỷ đồng trong 2 đợt. Công ty mới trả cổ tức đợt 1/2019 tỷ lệ 258% bằng tiền vào cuối 7 qua.

Sang năm 2020, đơn vị vận hành bến xe này đặt mục tiêu doanh thu 130 tỷ và lãi 53,6 tỷ đồng, lần lượt giảm 17% và 22% so với năm trước. Lợi nhuận sau thuế bán niên ghi nhận 4,5 tỷ đồng, giảm 27% so với cùng kỳ và hoàn thành 46% chỉ tiêu cả năm.

Là một doanh nghiệp Nhà nước có vốn nhỏ 25 tỷ đồng, Bến xe Miền Tây vẫn luôn nằm trong top các công ty kinh doanh ổn định và hiệu quả hàng đầu trên sàn chứng khoán. Năm 2018, công ty cũng gây bất ngờ với mức cổ tức tỷ lệ 400% bằng tiền.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

| STT | Mã CK | Khuyến nghị | Ngày khuyến nghị | Giá hiện tại | Giá thực hiện | LN/Lỗ hiện tại | Giá mục tiêu | LN dự kiến | Giá cắt lỗ | Lỗ dự kiến | Ghi chú |
|-----|-------|-------------|------------------|--------------|---------------|----------------|--------------|------------|------------|------------|------------------|
| 1 | FMC | Nắm giữ | 18/08/20 | 32.4 | 27.7 | 17.0% | 34.6 | 24.9% | 26.7 | -3.6% | Vượt kháng cự |
| 2 | PAC | Bán | 07/09/20 | 22.75 | 23.6 | -3.6% | 25.9 | 9.7% | 22.3 | -5.5% | Xu hướng suy yếu |

| STT | Mã CK | Khuyến nghị | Ngày khuyến nghị | Giá hiện tại | Kháng cự | Tín hiệu kỹ thuật |
|-----|-------|--------------|------------------|--------------|-----------|---|
| 1 | BMP | Quan sát mua | 07/09/20 | 56.4 | 60 63 | Nhịp điều chỉnh tích cực với vol giảm thấp dần + đang về gần hỗ trợ 54.5-56 -> khả năng sớm quay lại xu hướng tăng |
| 2 | BTP | Quan sát mua | 07/09/20 | 15.5 | 17.7 | Tín hiệu test cung tích cực với vol giảm -> khả năng tiếp tục nhịp tăng và có thể vượt kháng cự 15.75 |
| 3 | DHC | Quan sát mua | 07/09/20 | 44.9 | 48.5-49.5 | Nhịp sideway ngắn hạn với vol giảm dần tích cực + mẫu hình đảo chiều Bullish Engulfing tại vùng hỗ trợ EMA -> một phiên tăng tốt vol cao lại trên trung bình sẽ cho tín hiệu quay lại xu hướng tăng |
| 4 | DVN | Quan sát mua | 07/09/20 | 14.1 | 17-17.4 | Phiên break nền tích lũy ngắn hạn kèm vol cao + MACD Hook, khả năng tiếp diễn xu hướng tăng -> có thể cân nhắc tham gia khi giá điều chỉnh về vùng 13.7-13.9 |
| 5 | HPG | Quan sát mua | 07/09/20 | 24.95 | 27 | Tín hiệu tích lũy đang dần trở nên tích cực hơn với vol tăng dần + MACD cắt lên lại Signal -> kỳ vọng sớm có phiên break kháng cự 25 để quay lại nhịp tăng |

Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

| STT | Mã CK | Khuyến nghị | Ngày khuyến nghị | Giá hiện tại | Giá thực hiện | LN/Lỗ hiện tại | Giá mục tiêu | LN dự kiến | Giá cắt lỗ | Lỗ dự kiến | Ghi chú |
|-----|-------|-------------|------------------|--------------|---------------|----------------|--------------|------------|------------|------------|--------------------------------------|
| 1 | HPG | Mua | 10/08/20 | 24.95 | 24.2 | 3.1% | 26.6 | 9.9% | 23.2 | -4% | |
| 2 | SAB | Mua | 14/08/20 | 192.2 | 183 | 5.0% | 206 | 12.6% | 177 | -3% | |
| 3 | FMC | Nắm giữ | 18/08/20 | 32.4 | 27.7 | 17.0% | 34.6 | 25% | 26.7 | -4% | Nâng giá mục tiêu lên vùng 34.6 ngàn |
| 4 | DGC | Nắm giữ | 20/08/20 | 39.45 | 33.45 | 17.9% | 43.5 | 30% | 31.8 | -5% | |
| 5 | VCB | Mua | 21/08/20 | 84.9 | 83 | 2.3% | 90 | 8% | 81.7 | -2% | |
| 6 | VRE | Mua | 27/08/20 | 28.5 | 27.2 | 4.8% | 28.6 | 5% | 26.6 | -2% | |
| 7 | PNJ | Mua | 03/09/20 | 60.6 | 61 | -0.7% | 67.5 | 11% | 58.4 | -4% | |

Danh mục chứng quyền có đảm bảo

| Mã chứng quyền | Thông kê giao dịch chứng quyền ngày 04/09/2020 | | | | | | | Thông tin chứng quyền | | | | | |
|----------------|--|--------------------|--------------------------|------------------------------------|--------------------------|-----------------|----------------|-------------------------------------|--------|------|---------------------------|----------------------|--------------|
| | Giá phát hành (VND) | Giá đóng cửa (VND) | Tăng/giảm trong ngày (%) | Tăng/giảm so với giá phát hành (%) | KL chứng quyền khớp lệnh | Số ngày tới hạn | Giá CKCS (VND) | Giá chứng quyền mua lý thuyết (VND) | CTCKPH | CKCS | Giá thực hiện quyền (VND) | Tỷ lệ chuyển đổi n:1 | Ngày đáo hạn |
| CCTD2001 | 1,540 | 1,500 | 7.1 % | -3% | 3,943 | 103 | 75,300 | 214 | KIS | CTD | 80,888 | 10 | 16/12/2020 |
| CFPT2003 | 7,300 | 11,120 | -1.7 % | 52% | 2,699 | 66 | 50,000 | 1,184 | SSI | FPT | 50,000 | 1 | 09/11/2020 |
| CFPT2006 | 1,500 | 1,840 | -2.1 % | 23% | 630 | 55 | 50,000 | 1,362 | HCM | FPT | 44,386 | 4 | 29/10/2020 |
| CFPT2007 | 1,690 | 1,680 | -4.0 % | -1% | 6,817 | 49 | 50,000 | 1,335 | MBS | FPT | 43,500 | 5 | 23/10/2020 |

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

| | | | | | | | | | | | | | |
|----------|--------|--------|--------|------|---------|-----|---------|-------|-----|-----|---------|----|------------|
| CFPT2008 | 1,500 | 1,490 | -2.6 % | -1% | 8,781 | 132 | 50,000 | 709 | HCM | FPT | 48,000 | 5 | 14/01/2021 |
| CHDB2005 | 1,080 | 770 | -6.1 % | -29% | 2,244 | 31 | 29,700 | 611 | KIS | HDB | 27,327 | 4 | 05/10/2020 |
| CHDB2006 | 2,180 | 2,770 | 1.5 % | 27% | 9,204 | 34 | 29,700 | 2,535 | MBS | HDB | 24,700 | 2 | 08/10/2020 |
| CHPG2005 | 2,100 | 11,560 | -1.6 % | 450% | 169 | 27 | 24,950 | 5,993 | VND | HPG | 19,000 | 1 | 01/10/2020 |
| CHPG2006 | 1,500 | 4,270 | -0.7 % | 185% | 367 | 12 | 24,950 | 1,476 | KIS | HPG | 22,020 | 2 | 16/09/2020 |
| CHPG2008 | 4,100 | 4,090 | -4.2 % | 0% | 16,011 | 87 | 24,950 | 95 | SSI | HPG | 28,000 | 1 | 30/11/2020 |
| CHPG2009 | 1,600 | 4,020 | -3.6 % | 151% | 12,239 | 55 | 24,950 | 1,280 | HCM | HPG | 22,500 | 2 | 29/10/2020 |
| CHPG2012 | 6,100 | 5,960 | -3.3 % | -2% | 4,396 | 136 | 24,950 | 780 | SSI | HPG | 26,500 | 1 | 18/01/2021 |
| CHPG2013 | 6,900 | 7,270 | -2.4 % | 5% | 1,473 | 88 | 24,950 | 1,492 | SSI | HPG | 24,000 | 1 | 01/12/2020 |
| CHPG2014 | 7,200 | 7,120 | -2.5 % | -1% | 1,938 | 227 | 24,950 | 1,701 | SSI | HPG | 26,500 | 1 | 19/04/2021 |
| CHPG2015 | 6,700 | 6,540 | -2.5 % | -2% | 5,269 | 178 | 24,950 | 1,199 | SSI | HPG | 26,500 | 1 | 01/03/2021 |
| CMSN2008 | 1,530 | 1,650 | 4.4 % | 8% | 21,681 | 94 | 56,300 | 836 | MBS | MSN | 53,000 | 5 | 07/12/2020 |
| CHPG2016 | 2,200 | 2,630 | -4.0 % | 20% | 6,707 | 132 | 24,950 | 236 | HCM | HPG | 27,500 | 2 | 14/01/2021 |
| CPNJ2007 | 1,670 | 2,330 | -4.1 % | 40% | 17,527 | 77 | 60,600 | 1,594 | MBS | PNJ | 53,000 | 5 | 20/11/2020 |
| CSTB2008 | 1,500 | 1,900 | -5.0 % | 27% | 11,817 | 77 | 11,300 | 1,191 | MBS | STB | 10,200 | 1 | 20/11/2020 |
| CVNM2009 | 1,810 | 2,450 | 0.8 % | 35% | 32,948 | 94 | 125,000 | 1,887 | MBS | VNM | 107,000 | 10 | 07/12/2020 |
| CVPB2009 | 1,630 | 2,280 | -3.0 % | 40% | 2,874 | 77 | 23,450 | 1,698 | MBS | VPB | 20,200 | 2 | 20/11/2020 |
| CMBB2003 | 2,000 | 1,440 | -4.6 % | -28% | 1,202 | 66 | 18,050 | 475 | SSI | MBB | 18,000 | 1 | 09/11/2020 |
| CMBB2005 | 2,000 | 480 | 4.4 % | -76% | 65 | 52 | 18,050 | 3 | VCI | MBB | 20,000 | 1 | 26/10/2020 |
| CMBB2006 | 1,100 | 1,140 | -4.2 % | 4% | 29,301 | 55 | 18,050 | 816 | HCM | MBB | 16,500 | 2 | 29/10/2020 |
| CMBB2007 | 1,400 | 1,350 | -4.9 % | -4% | 6,461 | 132 | 18,050 | 771 | HCM | MBB | 17,000 | 2 | 14/01/2021 |
| CMSN2001 | 2,300 | 680 | 6.3 % | -70% | 15,106 | 103 | 56,300 | 20 | KIS | MSN | 65,789 | 5 | 16/12/2020 |
| CMSN2002 | 2,000 | 70 | 16.7 % | -97% | 19,694 | 12 | 56,300 | (0) | KIS | MSN | 62,999 | 4 | 16/09/2020 |
| CMSN2005 | 2,100 | 620 | 8.8 % | -70% | 114,788 | 55 | 56,300 | 26 | HCM | MSN | 60,000 | 5 | 29/10/2020 |
| CMSN2006 | 1,900 | 1,500 | 7.1 % | -21% | 5,045 | 132 | 56,300 | 594 | HCM | MSN | 56,000 | 5 | 14/01/2021 |
| CMWG2005 | 2,500 | 3,450 | -1.4 % | 38% | 219 | 27 | 94,100 | 1,263 | VND | MWG | 92,000 | 2 | 01/10/2020 |
| CMWG2006 | 2,000 | 340 | -5.6 % | -83% | 495 | 52 | 94,100 | 0 | VCI | MWG | 110,000 | 5 | 26/10/2020 |
| CMWG2007 | 12,900 | 12,240 | 0.2 % | -5% | 2,790 | 87 | 94,100 | 8,338 | SSI | MWG | 87,000 | 1 | 30/11/2020 |

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

| | | | | | | | | | | | | | |
|----------|--------|-------|---------|-------|--------|-----|--------|-------|-----|-----|--------|----|------------|
| CMWG2008 | 1,300 | 1,280 | -1.5 % | -2% | 21,784 | 53 | 94,100 | 951 | HCM | MWG | 85,000 | 10 | 27/10/2020 |
| CMWG2009 | 1,600 | 1,750 | -4.4 % | 9% | 16,217 | 49 | 94,100 | 1,554 | MBS | MWG | 82,000 | 8 | 23/10/2020 |
| CMWG2010 | 1,400 | 1,870 | 0.5 % | 34% | 4,864 | 132 | 94,100 | 1,367 | HCM | MWG | 82,000 | 10 | 14/01/2021 |
| CNVL2001 | 2,300 | 1,500 | -19.8 % | -35% | 400 | 103 | 62,800 | 103 | KIS | NVL | 65,888 | 4 | 16/12/2020 |
| CNVL2002 | 2,000 | 2,540 | -0.8 % | 27% | 618 | 187 | 62,800 | 933 | KIS | NVL | 59,889 | 5 | 10/03/2021 |
| CPNJ2002 | 2,400 | 650 | -11.0 % | -73% | 3,520 | 27 | 60,600 | 0 | VND | PNJ | 69,000 | 2 | 01/10/2020 |
| CPNJ2003 | 2,000 | - | 0 % | -100% | - | 52 | 60,600 | 0 | VCI | PNJ | 75,000 | 5 | 26/10/2020 |
| CPNJ2005 | 1,000 | 540 | -8.5 % | -46% | 6,403 | 55 | 60,600 | 168 | HCM | PNJ | 60,000 | 10 | 29/10/2020 |
| CPNJ2006 | 1,000 | 890 | -4.3 % | -11% | 1,461 | 132 | 60,600 | 409 | HCM | PNJ | 59,000 | 10 | 14/01/2021 |
| CREE2003 | 1,000 | - | 0 % | -100% | - | 55 | 37,300 | 1,487 | HCM | REE | 30,000 | 5 | 29/10/2020 |
| CREE2004 | 1,570 | 2,730 | 0.7 % | 74% | 4,722 | 49 | 37,300 | 2,640 | MBS | REE | 29,500 | 3 | 23/10/2020 |
| CREE2005 | 1,300 | 1,790 | 2.3 % | 38% | 20 | 132 | 37,300 | 1,315 | HCM | REE | 32,500 | 4 | 14/01/2021 |
| CROS2002 | 1,000 | 180 | 0 % | -82% | 5,029 | 103 | 2,220 | (0) | KIS | ROS | 7,227 | 1 | 16/12/2020 |
| CSBT2001 | 2,900 | 530 | 0 % | -82% | 140 | 103 | 14,500 | 0 | KIS | SBT | 21,111 | 1 | 16/12/2020 |
| CSTB2002 | 1,700 | 1,040 | -8.8 % | -39% | 39,858 | 103 | 11,300 | 258 | KIS | STB | 11,888 | 1 | 16/12/2020 |
| CSTB2003 | 1,360 | 390 | -25.0 % | -71% | 88,160 | 12 | 11,300 | 204 | KIS | STB | 11,111 | 1 | 16/09/2020 |
| CSTB2004 | 1,400 | 1,220 | -5.4 % | -13% | 28,403 | 87 | 11,300 | 595 | SSI | STB | 11,000 | 1 | 30/11/2020 |
| CSTB2005 | 1,080 | 430 | -12.2 % | -60% | 32,964 | 60 | 11,300 | 50 | KIS | STB | 11,811 | 2 | 03/11/2020 |
| CSTB2006 | 1,500 | 820 | -8.9 % | -45% | 1,566 | 213 | 11,300 | 229 | KIS | STB | 12,888 | 2 | 05/04/2021 |
| CTCB2003 | 2,000 | - | 0 % | -100% | - | 52 | 21,850 | 1 | VCI | TCB | 25,000 | 1 | 26/10/2020 |
| CTCB2005 | 3,000 | 1,870 | -5.1 % | -38% | 2,477 | 87 | 21,850 | 685 | SSI | TCB | 22,000 | 1 | 30/11/2020 |
| CTCB2006 | 1,200 | 2,100 | -4.1 % | 75% | 9,444 | 55 | 21,850 | 1,966 | HCM | TCB | 18,000 | 2 | 29/10/2020 |
| CTCB2007 | 1,700 | 1,800 | -4.3 % | 6% | 570 | 132 | 21,850 | 1,173 | HCM | TCB | 20,000 | 2 | 14/01/2021 |
| CVHM2001 | 3,100 | 1,090 | 9.0 % | -65% | 104 | 103 | 80,000 | 31 | KIS | VHM | 94,567 | 5 | 16/12/2020 |
| CVHM2002 | 11,500 | 8,620 | 1.9 % | -25% | 16,492 | 87 | 80,000 | 4,662 | SSI | VHM | 77,000 | 1 | 30/11/2020 |
| CVHM2003 | 1,000 | 1,290 | 2.4 % | 29% | 23,400 | 55 | 80,000 | 1,032 | HCM | VHM | 70,000 | 10 | 29/10/2020 |
| CVHM2004 | 1,490 | 350 | -2.8 % | -77% | 6,669 | 31 | 80,000 | 0 | KIS | VHM | 86,868 | 10 | 05/10/2020 |
| CVHM2005 | 1,400 | 1,120 | -9.7 % | -20% | 6,406 | 132 | 80,000 | 483 | HCM | VHM | 79,000 | 10 | 14/01/2021 |

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

| | | | | | | | | | | | | | |
|----------|--------|--------|---------|------|--------|-----|---------|-------|-----|-----|---------|----|------------|
| CVJC2001 | 2,400 | 230 | 9.5 % | -90% | 905 | 103 | 107,600 | 0 | KIS | VJC | 173,137 | 10 | 16/12/2020 |
| CVJC2002 | 1,900 | 550 | -9.8 % | -71% | 10,588 | 55 | 107,600 | 6 | HCM | VJC | 116,000 | 10 | 29/10/2020 |
| CVJC2003 | 1,670 | 170 | -10.5 % | -90% | 20,888 | 31 | 107,600 | 0 | KIS | VJC | 123,456 | 10 | 05/10/2020 |
| CVNM2004 | 17,500 | 16,090 | 1.3 % | -8% | 2,484 | 87 | 125,000 | 8,600 | SSI | VNM | 118,000 | 1 | 30/11/2020 |
| CVNM2005 | 1,500 | 2,560 | 0.4 % | 71% | 13,192 | 55 | 125,000 | 2,247 | HCM | VNM | 103,000 | 10 | 29/10/2020 |
| CVNM2006 | 1,530 | 490 | 0 % | -68% | 17,473 | 31 | 125,000 | 3 | KIS | VNM | 131,313 | 10 | 05/10/2020 |
| CVNM2007 | 2,400 | 1,530 | -0.7 % | -36% | 105 | 187 | 125,000 | 317 | KIS | VNM | 138,888 | 10 | 10/03/2021 |
| CVNM2008 | 1,800 | 2,090 | -0.5 % | 16% | 4,235 | 132 | 125,000 | 1,327 | HCM | VNM | 114,000 | 10 | 14/01/2021 |
| CVPB2006 | 3,400 | 1,870 | -8.8 % | -45% | 3,985 | 87 | 23,450 | 680 | SSI | VPB | 24,000 | 1 | 30/11/2020 |
| CVPB2007 | 1,700 | 1,130 | -11.0 % | -34% | 26,105 | 55 | 23,450 | 605 | HCM | VPB | 22,500 | 2 | 29/10/2020 |
| CVPB2008 | 1,800 | 1,800 | -4.8 % | 0% | 1,521 | 132 | 23,450 | 1,134 | HCM | VPB | 22,000 | 2 | 14/01/2021 |
| CVRE2003 | 3,000 | 420 | 7.7 % | -86% | 27,225 | 103 | 28,500 | 2 | KIS | VRE | 37,999 | 2 | 16/12/2020 |
| CVRE2005 | 4,000 | 2,950 | 8.1 % | -26% | 6,378 | 87 | 28,500 | 1,393 | SSI | VRE | 28,000 | 1 | 30/11/2020 |
| CVRE2006 | 1,100 | 1,540 | 6.9 % | 40% | 25,532 | 55 | 28,500 | 1,401 | HCM | VRE | 23,000 | 4 | 29/10/2020 |
| CVRE2007 | 1,520 | 710 | 2.9 % | -53% | 69,033 | 213 | 28,500 | 215 | KIS | VRE | 33,333 | 5 | 05/04/2021 |
| CVRE2008 | 1,200 | 1,280 | 3.2 % | 7% | 8,990 | 132 | 28,500 | 815 | HCM | VRE | 26,000 | 4 | 14/01/2021 |

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Cập nhật danh mục cổ phiếu phân tích

| Mã CK | Sàn | Thị giá | Giá mục tiêu* | Ngày ra báo cáo | Lợi nhuận 2020E (tỷ) | EPS 2020E | BV 2020E | ROE 2020E | ROA 2020E | PE 2020E | PB 2020E | Cổ tức dự kiến** |
|---------------------------|-------|---------|---------------|-----------------|----------------------|-----------|----------|-----------|-----------|----------|----------|------------------|
| PHR (New) | HOSE | 58,000 | 57,615 | 04/09/2020 | 1,180 | 8,709 | 22,532 | 28% | 14.1% | 6.2 | 2.3 | 30% |
| VRE (New) | HOSE | 28,500 | 39,500 | 03/09/2020 | 2,445 | 1,109 | 11,914 | 8% | 6.4% | 23.3 | 2.6 | - |
| POW (New) | HOSE | 10,400 | 12,800 | 01/09/2020 | 2,655 | 971 | 13,557 | 8% | 5.0% | 13.2 | 0.9 | 0% |
| MWG (New) | HOSE | 94,100 | 105,600 | 28/08/2020 | 3,496 | 7,717 | 32,797 | 24% | 7.5% | 13.7 | 3.2 | 15% |
| NVL (New) | HOSE | 62,800 | 64,350 | 28/08/2020 | 3,547 | 3,699 | 25,725 | 13% | 3.8% | 20.3 | 2.1 | - |
| NT2 | HOSE | 22,950 | 27,600 | 27/08/2020 | 775 | 2,691 | 14,445 | 19% | 11.0% | 10.3 | 1.9 | 25% |
| SCS | HOSE | 119,200 | 120,000 | 27/08/2020 | 403 | 7,468 | 20,060 | 40% | 36.9% | 16.1 | 6.0 | 36% |
| MSN | HOSE | 56,300 | 62,400 | 24/08/2020 | 1,026 | 877 | 27,165 | 2% | 0.4% | 71.2 | 2.3 | 10% |
| HPG | HOSE | 24,950 | 28,700 | 18/08/2020 | 9,638 | 2,889 | 16,628 | 18% | 9% | 9.9 | 1.7 | 5% |
| DHG | HOSE | 102,100 | 88,000 | 17/08/2020 | 670 | 5,125 | 27,884 | 18% | 15% | 17.2 | 3.2 | - |
| VTP | UPCOM | 105,600 | 142,700 | 13/08/2020 | 451 | 7,565 | 24,318 | 40% | 11% | 18.9 | 7.6 | 0% |
| VPB | HOSE | 23,450 | 22,088 | 12/08/2020 | 8,558 | 3,511 | 20,826 | 18% | 2% | 6.3 | 1.1 | 0% |
| BMP | HOSE | 56,400 | 55,800 | 07/08/2020 | 491 | 6,001 | 30,994 | 19% | 17% | 9.2 | 1.8 | 40% |
| MSH | HOSE | 31,450 | 36,500 | 04/08/2020 | 21 | 428 | 20,629 | 2% | 1% | 85.2 | 1.8 | 25% |
| PNJ | HOSE | 60,600 | 66,500 | 04/08/2020 | 836 | 3,713 | 21,769 | 17% | 10% | 17.9 | 3.1 | 8% |
| CTR | UPCOM | 41,700 | 42,400 | 03/08/2020 | 191 | 3,152 | 13,146 | 20% | 8% | 16.2 | 3.4 | 10% |
| STK | HOSE | 14,650 | 17,500 | 03/08/2020 | 102 | 1,448 | 15,252 | 10% | 5% | 12.1 | 1.2 | 15% |
| DGW | HOSE | 48,650 | 47,200 | 28/07/2020 | 205 | 4,759 | 25,703 | 18% | 8% | 9.9 | 1.8 | 20% |
| SBT | HOSE | 14,500 | 16,900 | 21/07/2020 | 725 | 1,192 | 14,313 | 8% | 4% | 14.1 | 1.2 | 5% |
| TCM | HOSE | 23,300 | 24,000 | 14/07/2020 | 211 | 3,402 | 25,343 | 13% | 7% | 7.1 | 0.9 | - |

* Giá mục tiêu chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo.

** Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2020 trên mệnh giá.

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Đảm bảo phân tích

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

Overweight (OW) =cao hơn thị trường nội địa trên 10%

Neutral (N) =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%

Underweight (UW) =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

Not Rated (NR) = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).

Tòa nhà CR3-03A, Tầng 3, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5479

Fax: (84-28) 5 413 5472

Customer Service: (84-28) 5 411 8855 Call Center: (84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn Web: www.phs.vn

PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5478

Fax: (84-28) 5 413 5473

Chi nhánh Quận 3

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi Nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Phone: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Tân Bình

Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp.HCM.

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

Chi Nhánh Hà Nội

Tầng 5, Tòa nhà Vinafor, 127 Lò Đúc, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Phone: (84-24) 3 933 4566

Fax: (84-24) 3 933 4820

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Phone: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.